

Số: 455/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên (Có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh, TT tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



Mùa A Sơn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 5/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

ST T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT				
1	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt. - Căn cứ Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
2	Cấp Giấy xác nhận nội	10 ngày làm việc kể	Bộ phận tiếp nhận và trả	- 600.000	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số

	dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	đồng/ Giấy xác nhận.	41/2013/QH13. - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
--	---	----------------------------------	--	-------------------------	---

II LĨNH VỰC THÚ Y

1	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	100.000 đồng/CCH N	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí
---	---	---	--	--------------------	--

	bán thuốc thú y)				trong công tác thú y.
2	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y.
3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số

			nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	buôn bán thuốc thú y: 230.000 đ/lần; - Thông tư số 285/2016/ TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư 13/2016/TT- BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư 13/2016/TT- BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài

					chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
6	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	900.000 đồng/giấy.	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày làm việc kể từ ngày từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	- Lệ phí: 70.000 đồng. - Phí: 300.000 đồng/ lần.	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý

					thuốc thú y - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống).	20 ngày làm việc kể từ ngày từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	- Lệ phí: 70.000 đồng. - Phí: 300.000 đồng.	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
9	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và	70.000 đồng	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC

	thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.		PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	- Lệ phí: 70.000 đồng. - Phí: 300.000 đồng.	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng - 17 ngày: đối với trường hợp còn lại	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	-Lệ phí: 70.000 đồng - Phí: 300.000 đồng	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	02 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Lệ phí: 70.000 đồng	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
13	Cấp Giấy	20 ngày	Bộ phận Tiếp	-Lệ phí:	- Luật thú y số

	chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	làm việc	nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	70.000 đồng - Phí: 300.000 đồng	79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
14	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	-Lệ phí: 70.000 đồng - Phí: 300.000 đồng	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
15	Cấp lại Giấy	13 ngày	Bộ phận Tiếp	-Lệ phí:	- Luật thú y số

	chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	làm việc	nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	70.000 đồng - Phí: 300.000 đồng	79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
--	--	----------	---	------------------------------------	---

III LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP					
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES.	Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp.

		cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo.			
2	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Thành lập hội đồng thẩm định: 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ - Thẩm	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh,	Không	Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011 Khoản 2 điều 9 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008

		định: 5 ngày làm việc kể từ khi thành lập Hội đồng thẩm định - Trả kết quả: 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được biên bản thẩm định tại Bộ phận 1 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên.	Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		
3	Giao nộp gấu cho nhà nước	10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đơn đề nghị tự nguyện giao Gấu, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản chấp thuận, cho phép tổ chức, cá nhân tiếp nhận Gấu.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011 - Khoản 2, 3 điều 10 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008.
4	Phê duyệt hồ sơ và Cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ	Không	Điều 7 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;

	(đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)		1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
5	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Điều 4 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
6	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Điều 15 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Quản lý rừng phòng hộ Khoản 2 Điều 6, Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

		chủ rừng.			
7	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được Lâm nghiệp ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định cấp phép khai thác cho chủ rừng là tổ chức.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Điều 15 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Quản lý rừng phòng hộ Khoản 2 Điều 11; Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
8	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài về chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Quản lý rừng phòng hộ Điều 10 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT

					ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
9	Giao rừng cho tổ chức	36 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Điểm 6 Mục 2 Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010. - Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT, ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/T T-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.

10	Cho thuê rừng cho tổ chức	36 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Điểm 6 Mục 2 Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010. - Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT, ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.
11	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc	- Thời gian hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá hai mươi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và	Không	- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

	dụng thuộc địa phương quản lý	(20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt đề án không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		- Khoản 2, 3, 4 Điều 11 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP.
12	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Thời gian hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đề án cho thuê môi trường rừng đặc dụng không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt hồ sơ đề án cho thuê môi trường rừng đặc dụng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý hoạt động du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định

		không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
13	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Thời gian hoàn thành thẩm định dự án phát triển du lịch sinh thái khu rừng đặc dụng không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt dự án phát triển du lịch sinh thái khu rừng đặc dụng không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng - Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý hoạt động du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng. - Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
14	Thẩm định,	- Thời gian	Bộ phận tiếp	Không	- Nghị định số

	phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt phương án không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Điều 7 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
15	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Thời gian hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh	Không - Điều 3 Nghị quyết số 49/2010/QH-12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội Khóa XII về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

		quyết định phê duyệt điều chỉnh không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Điện Biên.		- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Khoản b, d, đ Điều 4 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
16	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	- Thời gian hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt điều chỉnh không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

17	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	- Thời gian hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành quyết định phê duyệt điều chỉnh không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Điều 3 Nghị quyết số 49/2010/QH-12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội Khóa XII về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
18	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	- Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn thành thẩm định quy hoạch khu rừng đặc dụng không quá hai mươi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010

		(20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành văn bản trả lời không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ NN và PTNT phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để hoàn thiện. - UBND cấp tỉnh hoàn thành hoàn thành	Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
--	--	--	--	--	---

		việc phê duyệt quy hoạch khu rừng đặc dụng và trả kết quả không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.			
19	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp theo quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT phải hoàn thành việc thẩm định đề án. - Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

		phê duyệt đề án.			
20	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn thành thẩm định không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian hoàn thành việc phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và trả kết quả không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Nghị định số 57/2008/NĐ-CP ngày 02/5/2008 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. - Điều 6, 7 Thông tư số 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 quy định về tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ của khu bảo tồn biển
21	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường	Không	- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng; - Điều a, Khoản 9.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày

		nông thôn phải có kết quả giải quyết.	Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng. - Khoản 2 Điều 7, Điều 16 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
22	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị cải tạo rừng, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải lập Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc lý do không phê duyệt hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất.

		cư thôn đã đề nghị. Trường hợp cần phải xác minh thực địa thì thời gian phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng được kéo dài không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.			
23	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ nếu nộp trực tiếp, 03 ngày làm việc nếu nhận được qua đường bưu điện, nếu thành phần hoặc số lượng Hồ sơ chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho bên sử dụng dịch vụ môi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng - Điều 8, 9, 10, 11 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng. - Điều 4 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT, ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-

		trường biết để bổ sung theo quy định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra tổ chức xác minh tại hiện trường và lập biên bản xác minh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi xác minh hiện trường, đoàn kiểm tra lập tờ trình			<u>BNNPTNT</u>, 99/2006/TT-BNN.
--	--	--	--	--	--

		UBND tỉnh xem xét và ra quyết định xin miễn, giảm chi phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng và trả kết quả cho bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.			
24	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	Điều 8 Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.. Khoản 1, Điều 1 Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng.
25	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ	Không	Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;

	lại đối với tổ chức	cho phép tổ chức được chuyển rừng sang trồng cao su	1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
IV LĨNH VỰC THỦY LỢI					
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: a) các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi,

	thuỷ lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thuỷ lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thuỷ lợi				bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuỷ lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
2	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; - Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành

					chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
3	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
4	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001;

	mục đích kinh doanh; Hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh		Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.		- Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
5	Cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 10 Điều 1	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các hoạt động quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định của Bộ

	Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004	- 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN.			trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	- 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các hoạt động quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN; - 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các hoạt động quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7,	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 Ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT

		khoản 8, khoản 9 Điều 1 Quyết định 55/2004/Q Đ-BNN; - 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/Q Đ-BNN.			ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL- UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;

					- Điều 2 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010
8	Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 4 năm 2001; - Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; - Điều 2 Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 33- 48 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên, tổ 1, phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Không	- Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.